

Số: 12 /2021/TT-BYT

Hà Nội, ngày 06 tháng 09 năm 2021

**THÔNG TƯ**

**Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành**

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,*

*Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.*

**Điều 1. Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành**

Bãi bỏ toàn bộ 08 văn bản quy phạm pháp luật và bãi bỏ một phần 01 văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2021.

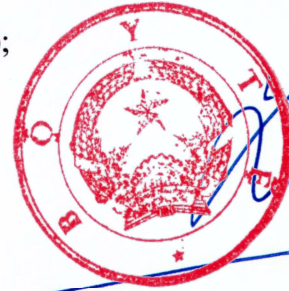
### Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng Cục trưởng các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ Y tế và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

#### Nơi nhận:

- Ủy ban Xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (Công báo; Cổng thông tin điện tử CP);
- Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán nhà nước;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Đơn vị trực thuộc Bộ;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, PC (05 bản).

**BỘ TRƯỞNG**



**Nguyễn Thanh Long**

**Phụ lục****DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BÃI BỎ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12 /2021/TT-BYT ngày 06 tháng 09 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

**I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BÃI BỎ TOÀN BỘ**

1. Quyết định số 462-BYT/QĐ ngày 30 tháng 8 năm 1960 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành các bảng thuốc độc A, B và quy chế quản lý thuốc độc.
2. Thông tư số 20-BYT/TT ngày 30 tháng 8 năm 1960 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn thi hành Quyết định số 462-BYT/QĐ ngày 30 tháng 8 năm 1960 ban hành các bảng thuốc độc A, B và quy chế thuốc độc.
3. Quyết định số 315-BYT-QĐ ngày 04 tháng 4 năm 1963 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chế thuốc độc mới và chế độ nhãn thuốc.
4. Thông tư số 08-BYT-TT ngày 04 tháng 4 năm 1963 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn thi hành Quyết định số 315-BYT-QĐ ngày 04 tháng 4 năm 1963.
5. Thông tư số 31-BYT-TT ngày 27 tháng 10 năm 1964 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi và bổ sung quy chế thuốc độc và chế độ nhãn thuốc ban hành theo Quyết định số 315-BYT-QĐ ngày 04 tháng 4 năm 1963 của Bộ Y tế.
6. Thông tư số 24-BYT/TT ngày 14 tháng 6 năm 1965 của Bộ trưởng Bộ Y tế bổ sung và sửa đổi quy chế thuốc độc.
7. Thông tư số 24-BYT-TT ngày 01 tháng 10 năm 1973 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn bổ sung việc thực hiện quy chế thuốc độc đối với thuốc độc bảng A gây nghiện.
8. Thông tư số 32/2015/TT-BYT ngày 16 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

## II. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BÃI BỎ MỘT PHẦN

TÊN VĂN BẢN	NỘI DUNG BÃI BỎ
<p>Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”.</p>	<p>Các nội dung thuộc Quy định ban hành kèm theo Quyết định, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần 2. Giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm.</li> <li>- Phần 3. Giới hạn tối đa độc tố vi nấm trong thực phẩm.</li> <li>- Phần 4. Quy định vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ chứa đựng thực phẩm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mục 4.1. Quy định giới hạn an toàn tối đa kim loại nặng thôi nhiễm từ dụng cụ chứa đựng thực phẩm bằng gốm và thủy tinh.</li> <li>+ Mục 4.2. Quy định giới hạn an toàn tối đa kim loại nặng thôi nhiễm từ dụng cụ chứa đựng thực phẩm bằng thủy tinh có lòng sâu.</li> <li>+ Mục 4.3. Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm từ hợp kim chế tạo đồ hộp (không kể loại thực phẩm khô, dầu mỡ).</li> <li>+ Mục 4.4. Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm từ nhựa tổng hợp.</li> </ul> </li> <li>- Phần 5. Giới hạn tối đa kim loại trong thực phẩm.</li> <li>- Phần 6. Giới hạn vi sinh trong thực phẩm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mục 6.1. Giới hạn cho phép vi sinh vật trong sữa và sản phẩm sữa.</li> <li>+ Mục 6.2. Quy định giới hạn cho phép vi sinh vật trong thịt và sản phẩm thịt.</li> <li>+ Mục 6.3. Quy định giới hạn cho phép vi sinh vật cá và thủy sản.</li> <li>+ Mục 6.4. Quy định giới hạn cho phép vi sinh vật trong trứng và sản phẩm trứng.</li> <li>+ Mục 6.6. Quy định giới hạn cho phép vi sinh vật trong rau, quả và sản phẩm rau, quả.</li> <li>+ Mục 6.7. Quy định giới hạn cho phép vi sinh vật trong nước khoáng và nước giải khát đóng chai.</li> <li>+ Mục 6.9. Quy định giới hạn cho phép vi sinh vật trong thức ăn đặc biệt.</li> <li>+ Mục 6.10. Quy định giới hạn cho phép vi sinh vật trong kem và nước đá.</li> </ul> </li> <li>- Phần 8. Giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm./.</li> </ul>